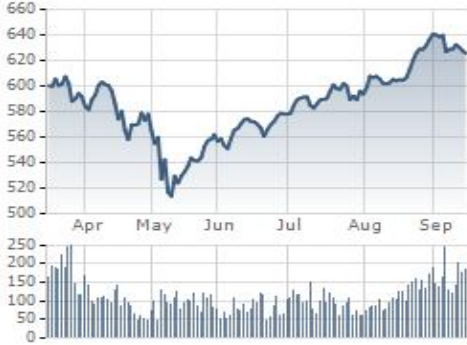


HOSE 18/09/2014

VNINDEX	615.79	-9.87	-1.58%
KLGD	179,594,623	CP	
GTGD	3,565.23	Tỷ	
GTR NDTNN	-	72.29	Tỷ

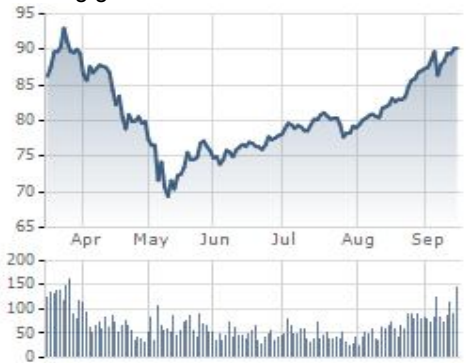
CP Tăng giá	52	CP
CP Giảm giá	184	CP
CP Đứng giá	68	CP



HNX 18/9/2014

HNXINDEX	88.07	-2.08	-2.31%
KLGD	112,795,168	CP	
GTGD	1,718.98	Tỷ	
GTR NDTNN	-	78.28	Tỷ

CP Tăng giá	70	CP
CP Giảm giá	161	CP
CP Đứng giá	148	CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	659.63	-6.03	-0.91%
HNX30	184.34	-3.44	-1.83%

Tâm điểm

- ▶ **Lực bán gia tăng, 2 sàn đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên**
- ▶ **Thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức cao**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 5,300 tỷ đồng
- ▶ **Thương mại Việt Nam- Đức 3 năm tăng 7.5 lần**
Kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đã đạt gần 7.7 tỷ USD
Công Thương
- ▶ **NHNN: Dự nợ tín dụng 2015 tăng khoảng 12% - 14%**
Đây là chỉ tiêu được Ngân hàng Nhà nước dự báo
Vneconomy
- ▶ **CPI của Mỹ bất ngờ giảm trong tháng 8**
CPI tại Mỹ giảm 0.2% trong tháng 8, ghi nhận đợt giảm đầu tiên kể từ tháng 4/2013
DVO/Bloomberg
- ▶ **SBT: Thống nhất phát hành CP hoán đổi toàn bộ CP SEC tỷ lệ 1:1.05**
SBT sẽ trở thành chủ sở hữu duy nhất 100% vốn điều lệ của SEC
Infonet
- ▶ **FPT: 8 tháng lãi ròng 1,014 tỷ đồng, tăng 3% so cùng kỳ**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bình quân (EPS) tăng 3% so với cùng kỳ, đạt 2,949 đồng/cp
Người Đồng Hành

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,115,897	15.6	3.4	19.8%	10.8%
HNX	146,490	14.9	1.8	9.2%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,262,387	17.3	3.3	18.9%	10.1%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,526	6.9	1.0	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,183	9.7	1.6	16.3%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	39,402	17.2	2.2	20.6%	9.5%
Khai khoáng	12,234	63.7	5.6	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,274	16.4	1.5	11.3%	7.5%
Xây dựng	32,970	49.1	1.3	-1.2%	2.1%
Máy công nghiệp	8,766	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,852	8.6	1.5	18.9%	13.6%
Lốp xe	9,003	11.2	3.2	27.6%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	20,919	12.2	1.9	17.2%	6.3%
Thực phẩm	198,176	24.3	4.8	20.5%	16.0%
Dược phẩm	15,427	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Phần mềm	19,729	12.2	2.5	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,218	-	6.0	-14.5%	0.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	232,635	19.0	6.2	33.1%	22.7%
Bảo hiểm nhân thọ	29,873	24.4	2.6	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	30,229	15.3	1.7	9.4%	6.9%
Ngân hàng	242,981	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản	166,342	17.1	2.8	20.7%	5.1%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	54,845	12.3	2.7	22.6%	9.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Thương mại Việt Nam- Đức 3 năm tăng 7.5 lần

NHNN: Dự nợ tín dụng 2015 tăng khoảng 12% - 14%

CPI của Mỹ bất ngờ giảm trong tháng 8

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

SBT: Thống nhất phát hành CP hoán đổi toàn bộ CP SEC tỷ lệ 1:1.05

FPT: 8 tháng lãi ròng 1,014 tỷ đồng, tăng 3% so cùng kỳ

KLF: Sở hữu xấp xỉ 25% vốn H.A.I

► Tin kinh tế

Ông Bùi Huy Sơn, Cục trưởng Cục xúc tiến thương mại, Bộ Công thương cho biết những năm qua, trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Đức đã có mức tăng trưởng đáng kể. Riêng trong giai đoạn 2010-2013, kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều đã tăng hơn 7.5 lần, đạt gần 7.7 tỷ USD. Hai bên hiện đang có những cơ hội rất tốt để khai thác các tiềm lực hợp tác, đặc biệt khi Việt Nam và EU đang khẩn trương kết thúc đàm phán hiệp định thương mại tự do. Hiện nay, có khoảng 300 doanh nghiệp Đức đang đầu tư tại Việt Nam với nguồn vốn khoảng 1 tỷ USD.

Ngân hàng Nhà nước dự báo tổng phương tiện thanh toán năm 2015 tăng khoảng 16%-18%, dự nợ tín dụng tăng khoảng 12%-14% so với cuối năm 2014. Đây là chỉ tiêu được Ngân hàng Nhà nước dự báo tại báo cáo giải trình, phục vụ cho phiên chất vấn Thống đốc Nguyễn Văn Bình tại Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào ngày 29/9 tới. Một trong những cơ sở để đưa ra dự báo nói trên được Thống đốc dẫn tại báo cáo là kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 đề ra nhiệm vụ phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6%-6.2%; kiểm soát lạm phát ở mức khoảng 7%. Cộng thêm các đánh giá, nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước đã dự báo một số chỉ tiêu tiền tệ và hoạt động ngân hàng trong năm 2015.

Bộ Lao động Mỹ cho biết, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Mỹ giảm 0.2% trong tháng 8, ghi nhận đợt giảm đầu tiên kể từ tháng 4/2013. Trước đó, CPI tăng 0.1% trong tháng 7. Tuy nhiên, CPI lõi, không tính giá thực phẩm và nhiên liệu, lại không đổi so với tháng 7. Đây là lần đầu tiên trong gần 4 năm qua, CPI lõi không tăng. Giá năng lượng giảm 2.6% cùng với tốc độ tăng trưởng chậm chạp của kinh tế toàn cầu đã kéo giảm áp lực tăng giá tại Mỹ. Giá tiêu dùng giảm trở lại có thể khiến các nhà hoạch định chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục duy trì lãi suất ở mức thấp kỷ lục trong khi tiến tới kết thúc chương trình mua trái phiếu hàng tháng trong tháng tới.

► Tin doanh nghiệp

Chiều ngày 17/9/2014, CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (HOSE: SBT) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên - niên độ 2014 tại trụ sở công ty ở Tây Ninh. HĐQT của SBT đã trình đại hội phương án sát nhập với CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (MCK: SEC). Phương án sát nhập được tất cả các cổ đông quan tâm và đồng thuận. Theo đó, SBT sẽ phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu SEC đang lưu hành theo tỷ lệ 1:1.05. Sau khi hoán đổi cổ phiếu, SBT sẽ trở thành chủ sở hữu duy nhất 100% vốn điều lệ của SEC và SEC sẽ được đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên.

Kết thúc 8 tháng đầu năm 2014, CTCP FPT (HOSE: FPT) đạt doanh thu 21,019 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế lũy kế 1,598 tỷ, giảm 0.7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 1,014 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ cấu doanh thu, thị trường nước ngoài đạt 2,031 tỷ đồng, tương đương 95.7 triệu USD, tăng 28% so với cùng kỳ, cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình của tập đoàn. Lợi nhuận trước thuế từ thị trường nước ngoài của FPT đạt 340 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ 2013. Trong tháng 8, HĐQT FPT đã bổ nhiệm ông Tomokazu Hamaguchi làm thành viên HĐQT độc lập. Ban lãnh đạo kỳ vọng rằng, với ảnh hưởng lớn và bề dày kinh nghiệm hơn 40 năm trong lĩnh vực CNTT tại Nhật Bản, ông Hamaguchi sẽ có những đóng góp quý báu cho chiến lược Toàn cầu hóa của FPT.

Ngày 18/9/2014, CTCP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF (HNX: KLF) đã giao dịch thỏa thuận mua vào 4,263,000 cổ phiếu, tương đương 24.5% vốn điều lệ của CTCP Nông dược H.A.I (HOSE: HAI). Đây là một phần trong nội dung hợp tác chiến lược toàn diện giữa KLF và H.A.I đã ký ngày 15/9/2014. Như vậy, H.A.I đã trở thành công ty liên kết của KLF. Với mức lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2014 là 45 tỷ đồng, chia cổ tức tỷ lệ 20% bằng tiền mặt, BCTC hợp nhất của KLF sẽ có thêm hơn 11 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm nay, và dòng tiền từ cổ tức khoảng 8.7 tỷ đồng, góp phần tích cực vào mục tiêu tăng trưởng bền vững của KLF trong tương lai.

HOSE 18/09/2014 VNINDEX 615.79 -9.87 -1.58% 179,594,623 CP 3,565.23 bil VND

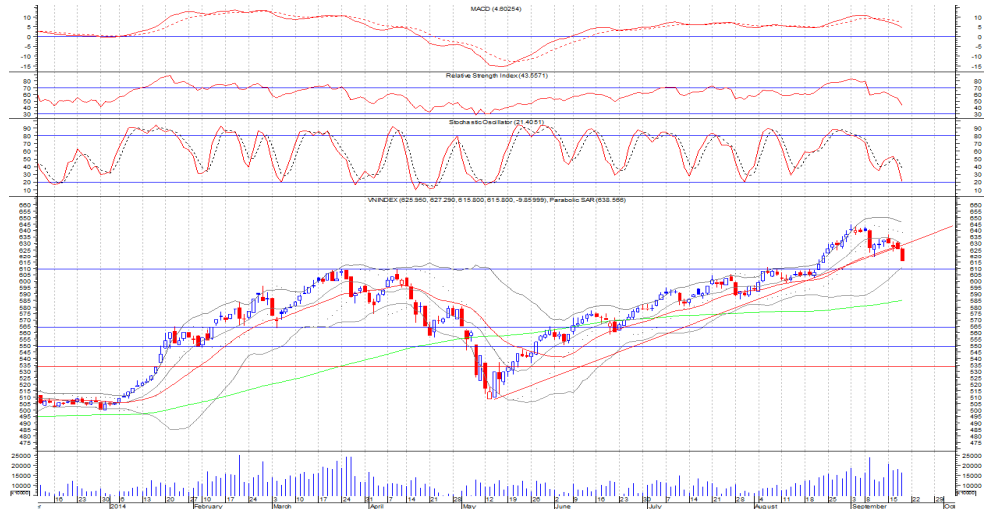
Lực bán gia tăng, 2 sàn mất điểm mạnh

VN-Index giảm 9,86 điểm (-1.58%), đóng cửa tại mức 615,80 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên, phá vỡ MA20.

- MACD tiếp tục đi xuống và đây là tín hiệu khá xấu.

- Stochastic Oscillator giảm mạnh và sắp đi vào vùng quá bán.

- MA10 đã bị phá vỡ, MA20 cũng bị phá vỡ phiên hôm nay. Nếu VN-Index không thể hồi phục những phiên tới thì nhiều khả năng VN-Index sẽ test lại vùng 600 điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.3 (-2.5%)	17,159,550
HAG	0.5 (2.1%)	10,049,790
SAM	-0.6 (-4.9%)	8,252,650
ITA	-0.3 (-3.4%)	7,563,680
SSI	-1.3 (-4.2%)	6,116,250

HOSE Top 5 theo % tăng

KAC	0.9 (7.0%)	50
RDP	1.2 (6.9%)	54,310
CDC	0.5 (6.3%)	683,910
AGM	0.7 (6.3%)	1,220
TMT	0.8 (6.3%)	113,580

HOSE Top 5 theo % giảm

ASM	-2.6 (-18.6%)	263,910
ACL	-0.9 (-7.0%)	85,570
HVG	-2.2 (-6.9%)	4,444,280
HTL	-1.1 (-6.8%)	10
LM8	-1.6 (-6.8%)	7,860

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

SSI	47,2 tỷ	1,552,030
PVD	19,0 tỷ	187,330
HPG	16,3 tỷ	281,700
KBC	4,0 tỷ	289,040
SAM	3,4 tỷ	290,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-56,9 tỷ	1,059,140
HAG	-32,9 tỷ	1,330,760
HVG	-18,6 tỷ	611,600
GAS	-18,1 tỷ	156,270
JVC	-13,9 tỷ	830,470

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-2,281,550	- 72.29

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tương đối giằng co ở phiên sáng, tuy nhiên về cuối phiên sáng và đầu phiên chiều thì lực cung gia tăng. Các chỉ số nhanh chóng mất điểm, nhiều mã giảm sàn.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 162 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức cao. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 72 tỷ. Lượng bán tập trung nhiều ở VIC, HAG, HVG. Trong khi khối này mua ròng rất mạnh ở mã SSI, PVD.
- ▶ Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. VN-Index được hỗ trợ mạnh tại vùng 610 điểm. Nếu phá vỡ vùng này, TT sẽ hướng về vùng 600 điểm.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tuy nhiên, nếu VN-Index phá vỡ vùng 610 điểm thì NĐT nên dừng các quyết định mua.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	114.0	216,030.00	19.5	6.4	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	107.0	107,012.69	17.5	5.8	34.1%	27.1%
VIC	1,383.5	54.5	75,400.48	16.0	4.3	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	27.3	72,755.06	15.8	1.6	10.6%	1.0%
MSN	735.8	83.0	61,072.08	-1,492.9	4.2	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.7	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	101.0	30,606.73	13.4	2.8	22.7%	10.7%
BVH	680.5	42.7	29,056.13	24.5	2.6	10.2%	2.1%
HPG	481.9	58.0	27,950.67	10.1	2.7	28.3%	12.8%

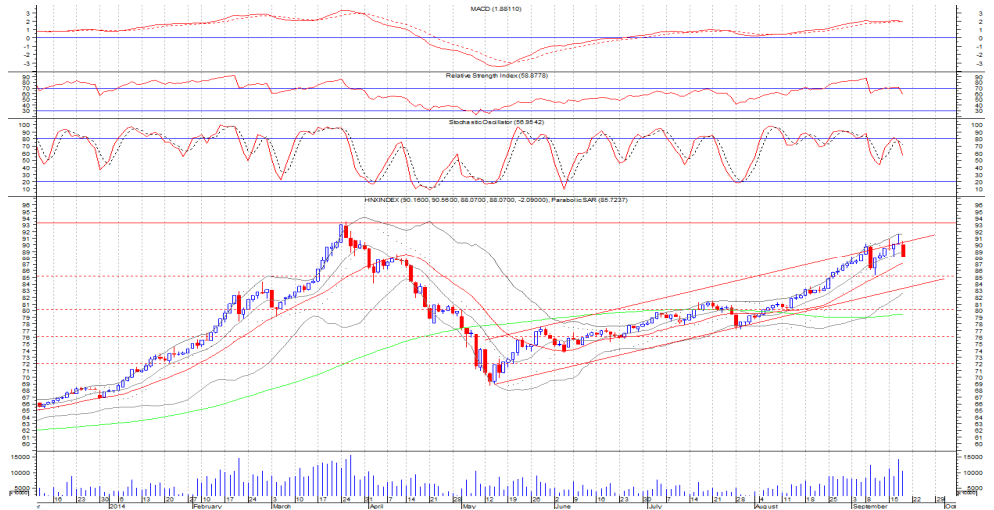
HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	17.2	4,400.75	19.5	1.6	NA	TH.DOI
FPT	343.9	55.0	18,914.18	12.2	2.6	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.6	2,379.86	7.7	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.0	3,138.02	8.6	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.0	668.25	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.2	640.55	2.6	1.0	NA	TH.DOI

HNX 18/09/2014 HNX-Index 88.07 -2.08 -2.31% 112,795,168 CP 1,718.98 bil. VND

Lực bán gia tăng, 2 sàn mất điểm mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 2.08 điểm (-2.31%), đóng cửa tại mốc 88.07 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài, chỉ số này đóng cửa ở mức thấp nhất trong phiên.
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục giảm mạnh.
 - MACD cho tín hiệu bán. Đây là tín hiệu khá xấu.
 - RSI (14) sụt giảm xuống mức 58.
 - MA10, MA20 vẫn đang giữ xu hướng tăng, nhiều khả năng sẽ là ngưỡng hỗ trợ tốt cho HNX-Index trong những phiên tới.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.3 (-4.8%)	12,353,490
KLF	0.2 (1.5%)	9,673,800
PVS	-2.5 (-5.7%)	8,681,060
SHS	-1.3 (-9.9%)	7,857,040
SHB	0 (0.0%)	5,344,080

HNX Top 5 theo % tăng

PID	0.5 (10.0%)	1,400
DPC	1.2 (9.8%)	2,000
SJC	1.1 (9.7%)	56,800
LCD	1.1 (9.5%)	100
VE4	0.8 (9.2%)	200

HNX Top 5 theo % giảm

VIG	-0.6 (-10.0%)	1,007,200
SHS	-1.3 (-9.9%)	7,857,040
PVE	-1.7 (-9.9%)	1,029,540
PVC	-4 (-9.8%)	4,674,920
TJC	-1.4 (-9.8%)	168,100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	79,0 tỷ	1,855,600
AAA	5,8 tỷ	350,000
BVS	5,2 tỷ	315,000
SDT	2,4 tỷ	137,000
VNR	1,2 tỷ	58,700

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-7,9 tỷ	461,500
PGS	-3,0 tỷ	78,000
PVC	-2,6 tỷ	66,600
HOM	-1,8 tỷ	200,000
DBC	-1,7 tỷ	59,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,973,171	78.28

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tương đối giằng co ở phiên sáng, tuy nhiên về cuối phiên sáng và đầu phiên chiều thì lực cung gia tăng. Các chỉ số nhanh chóng mất điểm, nhiều mã giảm sàn.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 105 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng đây vẫn là mức cao. Điều này cho thấy dòng tiền vẫn đang ở lại với TT.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 78 tỷ. Đây là phiên mua ròng trở lại sau 7 phiên bán liên tiếp ở sàn này. Lượng mua tập trung nhiều ở PVS.
- ▶ Áp lực bán vẫn tiếp tục diễn ra ở những phiên tới. HNX-Index được hỗ trợ mạnh tại vùng 87 điểm. Nếu phá vỡ vùng này, TT sẽ hướng về vùng 85 điểm.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15%. Tuy nhiên, nếu HNX-Index phá vỡ vùng 87 điểm thì NĐT nên dừng các quyết định mua.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	41.0	18,314.72	11.0	2.3	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	20.8	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	9.6	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.0	6,183.95	11.2	1.2	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.5	4,165.43	14.6	0.7	4.7%	1.9%
VNR	131.1	20.8	2,726.38	8.5	1.1	12.7%	5.7%
LAS	77.8	35.0	2,724.12	7.0	1.8	27.5%	15.2%
NTP	56.3	46.3	2,608.51	7.0	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	38.0	1,444.00	9.4	1.6	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.7	661.32	6.3	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.7	1,669.98	16.3	1.5	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.3	2,608.51	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	36.8	1,840.00	12.3	2.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	46.5	366.19	7.3	1.6	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	13.73%	83.0	#####	4.24	209,794	265,132	237,436
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	13.68%	54.5	15.98	4.30	2,464,443	2,213,062	1,196,587
HPG	HOSE	481.9	27,950.67	13.62%	58.0	10.07	2.66	924,151	1,095,111	915,476
PVD	HOSE	303.0	30,606.73	9.64%	101.0	13.43	2.84	824,240	596,261	423,967
HAG	HOSE	790.0	19,275.22	8.07%	24.4	16.17	1.38	2,474,211	3,243,240	2,729,915
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	7.65%	19.1	7.87	1.27	376,097	340,057	340,824
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	6.07%	27.3	15.76	1.63	545,317	674,360	409,551
DPM	HOSE	379.9	12,689.80	5.32%	33.4	10.05	1.42	1,506,099	1,802,374	1,120,648
ITA	HOSE	718.9	6,110.70	3.07%	8.5	68.19	0.81	10,272,149	10,404,891	6,369,720
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	2.45%	42.7	24.45	2.56	144,139	149,443	155,456
KBC	HOSE	389.8	5,300.74	2.33%	13.6	24.40	1.09	3,895,312	3,307,437	1,910,393
HSG	HOSE	96.3	4,228.15	2.28%	43.9	13.38	1.84	242,547	278,550	166,525
GMD	HOSE	116.1	4,018.37	1.97%	34.6	8.05	0.84	658,949	560,729	306,120
VSH	HOSE	206.2	3,011.12	1.58%	14.6	14.36	1.12	860,505	972,542	757,448
PPC	HOSE	318.2	8,081.13	1.47%	25.4	16.13	1.56	792,165	771,104	625,725
CSM	HOSE	67.3	3,102.16	1.45%	46.1	9.09	2.74	398,099	347,104	380,315
DRC	HOSE	83.1	4,818.28	1.34%	58.0	13.75	3.73	214,138	228,066	248,313
HVG	HOSE	132.0	3,893.99	1.24%	29.5	35.39	1.79	2,694,228	1,739,280	995,616
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.16%	17.2	19.51	1.61	3,013,145	2,538,389	1,934,792
DIG	HOSE	178.7	2,377.29	1.06%	13.3	65.20	1.01	328,233	309,454	226,693
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	0.82%	11.2	42.45	1.09	3,742,380	3,769,586	2,191,861

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	7.67%	19.1	7.87	1.27	376,097	340,057	340,824
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	7.43%	83.0	#####	4.24	209,794	265,132	237,436
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	7.31%	27.3	15.76	1.63	545,317	674,360	409,551
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	6.29%	54.5	15.98	4.30	2,464,443	2,213,062	1,196,587
DPM	HOSE	379.9	12,689.80	5.63%	33.4	10.05	1.42	1,506,099	1,802,374	1,120,648
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	5.63%	42.7	24.45	2.56	144,139	149,443	155,456
PVS	HNX	446.7	18,314.72	5.50%	41.0	10.96	2.33	5,113,193	4,610,080	3,414,185
PVD	HOSE	303.0	30,606.73	3.79%	101.0	13.43	2.84	824,240	596,261	423,967
ITA	HOSE	718.9	6,110.70	3.48%	8.5	68.19	0.81	10,272,149	10,404,891	6,369,720
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.36%	9.3	9.64	0.77	6,159,973	6,110,440	5,448,767
HAG	HOSE	790.0	19,275.22	3.27%	24.4	16.17	1.38	2,474,211	3,243,240	2,729,915
VCG	HNX	441.7	6,183.95	3.21%	14.0	11.19	1.15	1,640,964	1,341,920	1,043,140
OGC	HOSE	300.0	3,360.00	2.07%	11.2	42.45	1.09	3,742,380	3,769,586	2,191,861
DRC	HOSE	83.1	4,818.28	1.52%	58.0	13.75	3.73	214,138	228,066	248,313
GMD	HOSE	116.1	4,018.37	1.49%	34.6	8.05	0.84	658,949	560,729	306,120
PPC	HOSE	318.2	8,081.13	1.32%	25.4	16.13	1.56	792,165	771,104	625,725
PVT	HOSE	255.9	4,400.75	1.16%	17.2	19.51	1.61	3,013,145	2,538,389	1,934,792
PVX	HNX	400.0	2,400.00	0.00%	6.0	- 2.03	3.40	12,396,843	11,393,451	8,112,859

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.00%	54.5	15.98	4.30	2,464,443	2,213,062	1,196,587
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.00%	83.0	#####	4.24	209,794	265,132	237,436
DPM	HOSE	379.9	12,689.80	0.00%	33.4	10.05	1.42	1,506,099	1,802,374	1,120,648
HAG	HOSE	790.0	19,275.22	0.00%	24.4	16.17	1.38	2,474,211	3,243,240	2,729,915
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	0.00%	27.3	15.76	1.63	545,317	674,360	409,551
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.00%	19.1	7.87	1.27	376,097	340,057	340,824
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	0.00%	42.7	24.45	2.56	144,139	149,443	155,456
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.32	1.02	358,134	484,427	353,882
GAS	HOSE	1,895.0	216,030.00	0.00%	114.0	19.49	6.38	243,016	353,352	309,826

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	61,072.08	0.88%	83.0	#####	4.24	209,794	265,132	237,436
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.56%	54.5	15.98	4.30	2,464,443	2,213,062	1,196,587
STB	HOSE	1,142.5	21,821.97	0.31%	19.1	7.87	1.27	376,097	340,057	340,824
VCB	HOSE	2,665.0	72,755.06	0.24%	27.3	15.76	1.63	545,317	674,360	409,551
DPM	HOSE	379.9	12,689.80	0.15%	33.4	10.05	1.42	1,506,099	1,802,374	1,120,648
BVH	HOSE	680.5	29,056.13	0.08%	42.7	24.45	2.56	144,139	149,443	155,456

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,526	6.9	1.0	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,183	9.7	1.6	16.3%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,587	24.0	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	851	7.4	0.9	12.7%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,402	17.2	2.2	20.6%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,933	3.3	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,234	63.7	5.6	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,274	16.4	1.5	11.3%	7.5%
Xây dựng	32,970	49.1	1.3	-1.2%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,181	8.2	1.3	16.6%	8.5%
Công nghiệp phức hợp	879	7.3	1.7	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,376	6.9	0.9	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,784	18.2	1.0	0.4%	-0.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	13.4	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,766	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,849	3.4	1.2	4.5%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,852	8.6	1.5	18.9%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,194	7.9	1.5	18.6%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,647	11.6	2.0	14.3%	7.0%
Đào tạo & Việc làm	231	9.6	0.7	8.6%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	191	8.5	0.9	11.1%	4.6%
Chất thải & Môi trường	176	2.7	0.8	35.1%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,162	18.8	1.3	11.9%	6.5%
Lốp xe	9,003	11.2	3.2	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,560	7.8	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	310	13.8	2.1	16.1%	10.1%
Đồ uống & giải khát	228	6.6	1.2	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,919	12.2	1.9	17.2%	6.3%
Thực phẩm	198,176	24.3	4.8	20.5%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	78	19.6	1.0	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,576	8.7	1.3	14.6%	7.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	572	45.1	1.4	3.2%	2.3%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,630	9.6	1.8	18.4%	7.2%
Giày dép	8	1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,129	9.5	1.8	18.1%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	735	8.2	1.1	-1.3%	3.8%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		1,031	16.8	1.1	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế		168	3.4	1.9	38.1%	16.3%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		201	9.2	1.2	13.4%	9.8%
Dược phẩm		15,427	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		246	46.3	0.8	1.7%	0.5%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		718	11.0	1.1	13.0%	7.7%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,974	11.0	1.7	16.4%	3.4%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,114	9.8	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn		5,676	72.8	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí		3,435	13.9	1.4	14.9%	12.3%
Vận tải hành khách & Du lịch		2,624	20.0	3.2	23.0%	19.6%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		672	16.1	0.9	5.5%	2.0%
Internet		348	73.4	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm		19,729	12.2	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		467	16.2	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng		289	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông		11,814	30.5	7.0	33.7%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		25,218	-	6.0	1.4	-14.5%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		232,635	19.0	6.2	33.1%	22.7%
Nước		1,272	6.8	1.1	16.9%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,313	7.5	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,867	12.3	0.7	6.2%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,661	8.5	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		29,873	24.4	2.6	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,450	42.5	1.1	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán		30,229	15.3	1.7	9.4%	6.9%
Ngân hàng						
Ngân hàng		242,981	11.2	1.2	10.6%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		166,342	17.1	2.8	20.7%	5.1%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		13	3.3	1.0	34.7%	11.6%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		54,845	12.3	2.7	22.6%	9.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.